

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PHÚ NGHĨA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PHÚ NGHĨA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHU NGHIA TRANSPORTATION AND TRADE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: PHU NGHIA TRADE CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108251993

**3. Ngày thành lập:** 27/04/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Thái Phù, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 098318 9885

Fax:

Email: [kytp1979@gmail.com](mailto:kytp1979@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                           | 4210     |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                       | 4610     |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                  | 4632     |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                  | 4649     |
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                  | 4652     |
| 6.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                             | 4772     |
| 7.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                    | 5224     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay                            | 5229     |
| 9.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                           | 9511     |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299     |
| 11. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                               | 4100     |
| 12. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                   | 4312     |
| 13. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                        | 4512     |
| 14. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                      | 4520     |
| 15. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                              | 4620     |
| 16. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                    | 4633     |
| 17. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                    | 4722     |

|     |                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                              | 4771 |
| 19. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:- Tư vấn đầu tư                         | 6619 |
| 20. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                       | 5630 |
| 21. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản  | 6820 |
| 22. | Điều hành tua du lịch                                                                                         | 7912 |
| 23. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                  | 7920 |
| 24. | Bán buôn gạo                                                                                                  | 4631 |
| 25. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh        | 4741 |
| 26. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                   | 5210 |
| 27. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) | 5621 |
| 28. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                | 4329 |
| 29. | Phá dỡ                                                                                                        | 4311 |
| 30. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                | 4330 |
| 31. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                      | 4511 |
| 32. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                        | 4513 |
| 33. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)       | 4530 |
| 34. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                           | 4651 |
| 35. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                        | 4653 |
| 36. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                               | 4659 |
| 37. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                       | 4663 |
| 38. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                             | 4721 |
| 39. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                | 4723 |
| 40. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh          | 4752 |
| 41. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                      | 4761 |
| 42. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                            | 4791 |
| 43. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                           | 4931 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 44. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô | 4932(Chính) |
| 45. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4933        |
| 46. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>- Khách sạn;<br>- Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;<br>- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;<br>- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự                                                                | 5510        |
| 47. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                           | 5610        |
| 48. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: - Cho thuê ô tô                                                                                                                                                                                                                                                        | 7710        |
| 49. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7911        |
| 50. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8230        |
| 51. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4641        |
| 52. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: -Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại                                                                                                                                                                                               | 4719        |
| 53. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                    | 4759        |
| 54. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4321        |
| 55. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                            | 4322        |
| 56. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ hoạt động kinh doanh vàng)                                                                                                                                                                                                                                     | 4662        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN KÝ   | Thôn Thái Phù, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                | 1.080.000.000         | 60,000    | 001080002614                                                                                                                                      |         |
| 2   | TRINH VIỆT DŨNG | Số 7. Tổ 6, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | 720.000.000           | 40,000    | 112440700                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN KÝ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/12/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001080002614

Ngày cấp: 29/07/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thái Phù, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Thái Phù, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội